

Trường: Agentra

Tổ: Công nghệ thông tin

Họ và tên giáo viên: Phúc Hảo

PHÁT ÂM ÂM, TRỌNG ÂM VÀ NGỮ ĐIỀU TRONG CÂU

Môn: Tiếng Anh Lớp: 6

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học, học sinh:

- Nhận biết và phát âm đúng hai âm mục tiêu: / / (như trong *think, three, thank*) và /ð/ (như trong *this, that, they*); nắm được sự khác biệt về rung dây thanh giữa hai âm.
- Hiểu khái niệm trọng âm từ (word stress) và nắm được quy tắc cơ bản: danh từ và tính từ hai âm tiết thường nhấn âm tiết thứ nhất; động từ hai âm tiết thường nhấn âm tiết thứ hai.
- Nhận biết ngữ điệu xuống (↘) trong câu trần thuật và câu hỏi Yes/No; bước đầu phân biệt với ngữ điệu lên (↗) trong câu hỏi đuôi (tag question) mang nghĩa mời gọi xác nhận.

2. Về năng lực

a) *Năng lực chung:*

- **Tự học, tự chủ:** Tự luyện phát âm theo hướng dẫn, nhận ra lỗi của bản thân và điều chỉnh; biết sử dụng từ điển trực tuyến để tự kiểm tra cách phát âm.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Thực hành hội thoại theo cặp, lắng nghe bạn nói và đưa nhận xét mang tính xây dựng về phát âm, trọng âm, ngữ điệu.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Vận dụng kiến thức về trọng âm và ngữ điệu để nói câu tự nhiên, rõ ràng trong tình huống giao tiếp ngắn.

b) *Năng lực đặc thù (Tiếng Anh):*

- **Kỹ năng nghe:** Phân biệt âm / / và /ð/ với các âm dễ nhầm (/t/, /s/, /d/) qua các cặp từ tối thiểu (minimal pairs); nhận ra vị trí trọng âm và kiểu ngữ điệu qua giọng đọc mẫu.
- **Kỹ năng nói:** Phát âm đúng từ chứa / / và /ð/; đọc câu với trọng âm và ngữ điệu phù hợp; tham gia hội thoại ngắn theo tình huống.
- **Năng lực ngôn ngữ:** Đọc được ký hiệu phiên âm IPA cơ bản / / và /ð/; sử dụng phiên âm để tự kiểm tra và điều chỉnh cách phát âm.

c) *Năng lực số phát triển qua bài:*

- **Khai thác thông tin từ nguồn số:** Học sinh sử dụng từ điển trực tuyến Cambridge Dictionary Online (dictionary.cambridge.org) để tra phiên âm IPA của từ mục tiêu, nhấn biểu tượng loa nghe phát âm chuẩn bản ngữ, so sánh với cách GV đọc và tự điều chỉnh. Qua thao tác này, HS hình thành thói quen chủ động tra cứu âm thanh thay vì chỉ phụ thuộc vào giáo viên.
- **Sử dụng công cụ số hỗ trợ học tập:** HS bước đầu làm quen với tài nguyên số học ngôn ngữ (từ điển trực tuyến, ứng dụng luyện phát âm), góp phần xây dựng năng lực học tập suốt đời trong môi trường số.

3. Về phẩm chất

- **Chăm chỉ:** Tích cực tham gia luyện phát âm trong giờ học, không ngại mắc lỗi; kiên trì thực hành để đạt phát âm đúng.
- **Trách nhiệm:** Chú ý lắng nghe khi bạn trình bày; đưa ra nhận xét trung thực, chân thành và mang tính xây dựng để giúp bạn tiến bộ.
- **Yêu nước:** Nhận thức được tầm quan trọng của phát âm chuẩn trong giao tiếp quốc tế; có ý thức học tiếng Anh tốt để góp phần quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Giáo viên:** Sách giáo khoa Tiếng Anh 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống); máy tính có loa và máy chiếu; file âm thanh mẫu MP3 (hai clip so sánh phát âm đúng/sai; file đọc cặp minimal pairs); slide PowerPoint gồm: sơ đồ miệng (mouth diagram) của / / và /ð/, bảng trọng âm từ mẫu, ký hiệu ngữ điệu câu; phiếu bài tập phát âm (Pronunciation Worksheet) in sẵn.

- **Học sinh:** Sách giáo khoa Tiếng Anh 6, vở ghi, bút; bút dạ quang (để đánh dấu trọng âm trên phiếu bài tập); điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng nếu có (dùng trong hoạt động năng lực số).
- **Tài nguyên số:**
 - Cambridge Dictionary Online (dictionary.cambridge.org): tra phiên âm IPA và nghe phát âm chuẩn.
 - Forvo.com: nghe phát âm từ nhiều người bản ngữ các vùng khác nhau.
 - Ứng dụng ELSA Speak (giao bài tùy chọn về nhà): luyện phát âm có phản hồi từ AI.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Mở đầu – Khởi động (5 phút)

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú và kết nối kiến thức nền của học sinh với chủ đề phát âm; giúp GV sơ bộ đánh giá nhận thức ban đầu của HS về âm và ngữ điệu tiếng Anh.
- b) **Nội dung:** GV phát hai đoạn âm thanh ngắn (mỗi đoạn 2–3 câu): Clip A do người bản ngữ đọc đúng trọng âm và ngữ điệu; Clip B đọc sai trọng âm, giọng đơn điệu không lên xuống. Học sinh nghe và cho biết clip nào tự nhiên hơn, bước đầu giải thích lý do bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.
- c) **Sản phẩm:** Học sinh xác định được clip phát âm tự nhiên hơn và nêu được ít nhất một nhận xét (ví dụ: "Clip A nghe rõ hơn vì một số từ được đọc to/nhấn hơn" hoặc "cuối câu có lên/xuống giọng").

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV bật lần lượt Clip A và Clip B (mỗi clip khoảng 15 giây), yêu cầu HS lắng nghe chú ý. - GV đặt câu hỏi: <i>"Which clip sounds more natural to you? Why?"</i>	- HS chú ý lắng nghe cả hai clip, sẵn sàng chia sẻ cảm nhận ban đầu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe lại lần 2 (nếu cần), thảo luận nhanh theo cặp trong khoảng 30 giây. - GV quan sát, khuyến khích HS nêu ý kiến tự do, không chỉnh sửa ngay.	- HS trao đổi với bạn ngồi cạnh; nhận ra điểm khác biệt giữa hai clip (âm lượng, nhịp điệu, lên xuống giọng cuối câu).
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2–3 HS chia sẻ trước lớp, mỗi em nêu một nhận xét. - HS còn lại lắng nghe, bổ sung hoặc bày tỏ đồng tình/phản đối.	- HS trình bày: Clip A tự nhiên hơn vì một số từ nghe "nặng/rõ" hơn (nhấn đúng trọng âm) hoặc cuối câu giọng "xuống/lên" rõ ràng (ngữ điệu đúng).
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV xác nhận đáp án và dẫn dắt vào bài: <i>"Today we will discover three keys to natural English speech: Sounds – Word Stress – Intonation!"</i> - GV ghi ba từ khóa lên góc bảng.	Kết nối bài mới: HS nhận thức rõ sự khác biệt giữa phát âm đúng và sai; có động lực tìm hiểu ba yếu tố: âm mục tiêu, trọng âm từ và ngữ điệu câu.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (15 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh nhận diện và phát âm đúng hai âm / / và /ð/ với kỹ thuật đặt lưỡi đúng vị trí; phân biệt được / / (không rung dây thanh) và /ð/ (có rung dây thanh).
- Nắm được quy tắc trọng âm cơ bản cho từ hai âm tiết và đọc đúng trọng âm của 6 từ mẫu.
- Nhận biết ký hiệu ngữ điệu xuống (↘) trong câu trần thuật và câu hỏi Yes/No; đọc đúng ngữ điệu câu mẫu được chiếu trên bảng.

b) Nội dung:

- Phần 1 – Âm / / và /ð/:** GV chiếu sơ đồ miệng (mouth diagram), giải thích: đặt đầu lưỡi nhẹ giữa hai hàm răng, thổi hơi nhẹ ra cho / /; giữ nguyên vị trí lưỡi nhưng rung

dây thanh cho /ð/. GV phát âm mẫu từng từ: *think* – *three* – *thank* (/ /); *this* – *that* – *they* (/ð/); HS nghe, quan sát và nhắc lại đồng thanh.

- **Phần 2 – Trọng âm từ:** GV chiếu bảng quy tắc và ví dụ (âm tiết được nhấn in hoa): danh từ/tính từ 2 âm tiết: **STU**-dent, **TEACH**-er, **HAP**-py; động từ 2 âm tiết: be-**GIN**, re-**PEAT**, ar-**RIVE**. HS đọc theo và ghi vào vở.
- **Phần 3 – Ngữ điệu câu:** GV vẽ mũi tên ↘ trên hai câu mẫu chiếu trên bảng: "*I like English* (↘)." và "*Do you like English* (↘)?" ; giải thích cả hai câu kết thúc bằng ngữ điệu xuống trong tiếng Anh phổ thông Mỹ.
- **[Năng lực số – Khai thác thông tin số]:** GV hướng dẫn HS mở Cambridge Dictionary Online trên thiết bị (hoặc GV thao tác mẫu trên máy chiếu): gõ từ *think*, đọc phiên âm IPA / ɲk/, nhấn biểu tượng loa nghe phát âm; lặp lại với *this* /ð s/; HS so sánh hai phiên âm và âm thanh, nhận ra sự khác biệt / / – /ð/.

c) **Sản phẩm:** Học sinh ghi vào vở: (1) hai ký hiệu IPA / / và /ð/ kèm 3 từ ví dụ mỗi âm; (2) bảng trọng âm 6 từ mẫu với âm tiết nhấn được đánh dấu; (3) ký hiệu ↘ trên hai câu mẫu.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu mouth diagram, giải thích vị trí lưỡi cho / / và /ð/; nhấn mạnh sự khác biệt về rung dây thanh. - GV phát âm mẫu 6 từ (3 từ mỗi âm), yêu cầu HS quan sát kỹ miệng GV và chuẩn bị nhắc lại.	- HS quan sát miệng GV, chú ý vị trí lưỡi và cảm nhận hơi thở; sẵn sàng nhắc lại từng từ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhắc lại đồng thanh từng từ (3 lần/từ); GV sửa lỗi ngay nếu cả lớp phát âm sai. - GV giới thiệu quy tắc trọng âm và ký hiệu ngữ điệu; HS ghi vào vở. - [NLS] GV (hoặc HS tình nguyện) thao tác tra <i>think</i> và <i>this</i> trên Cambridge Dictionary, nghe audio, đọc phiên âm IPA trên màn hình chiếu.	- HS đọc đúng 6 từ mục tiêu; ghi phiên âm IPA / /, /ð/ và bảng trọng âm vào vở; vẽ ↘ trên hai câu mẫu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS đọc lại các từ mục tiêu và đọc câu mẫu có ký hiệu ngữ điệu. - GV hỏi cả lớp: <i>"Did he/she put the tongue between the teeth for / /? Did you hear the voice vibrate for /ð/?"</i>	- HS nhận xét bạn: chỉ ra bạn phát âm / / hay /ð/ đúng hay chưa, giải thích theo vị trí lưỡi và rung dây thanh.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV tổng kết kiến thức bằng khung ngắn gọn trên bảng (xem cột phải). - GV nhắc: từ điển trực tuyến là công cụ tự học phát âm rất hiệu quả – hãy dùng mỗi khi gặp từ mới.	Kiến thức cần nhớ: / / – lưỡi giữa răng, hơi thoát, không rung: <i>think, three, thank.</i> /ð/ – lưỡi giữa răng, có rung dây thanh: <i>this, that, they.</i> Trọng âm: danh từ/tính từ 2 âm tiết → âm tiết 1; động từ 2 âm tiết → âm tiết 2. Ngữ điệu: câu trần thuật và Yes/No ↘.

Hoạt động 3: Luyện tập (15 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh phân biệt được âm / / và /ð/ với các âm dễ nhầm (/t/, /s/, /d/) qua bài nghe nhận diện.
- Xác định và đánh dấu đúng vị trí trọng âm trong danh sách từ cho trước.
- Đọc câu đúng ngữ điệu theo ký hiệu mũi tên và tự vẽ mũi tên ngữ điệu cho câu mới.

b) Nội dung: Học sinh hoàn thành phiếu bài tập (Pronunciation Worksheet) gồm ba phần:

- **Bài 1 – Nhận diện âm (nghe):** GV đọc một từ trong mỗi cặp; HS khoanh từ nghe được: (1) *thin / sin*, (2) *three / tree*, (3) *thank / tank*, (4) *then / den*, (5) *they / day*.
- **Bài 2 – Đánh trọng âm:** Gạch dưới âm tiết được nhấn trong 6 từ: *happy, begin, English, arrive, teacher, repeat*.
- **Bài 3 – Ngữ điệu:** Đọc to và vẽ mũi tên (↗ hoặc ↘) cuối mỗi câu: (1) *"I love English."* (2) *"Do you speak English?"* (3) *"What is your name?"*

c) **Sản phẩm:** Phiếu bài tập hoàn chỉnh với đáp án đúng; ít nhất 3 HS đọc to câu ở Bài 3 với ngữ điệu chính xác trước lớp.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV phát phiếu bài tập (hoặc chiếu lên màn hình nếu không in được). - GV giải thích yêu cầu từng bài; phát âm mẫu một cặp (<i>thin – sin</i>) để HS hiểu định dạng Bài 1.	- HS nhận phiếu, đọc lướt yêu cầu ba bài và xác nhận hiểu nhiệm vụ trước khi bắt đầu.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Bài 1: GV đọc lần lượt 5 từ (mỗi từ đọc 2 lần chậm rõ); HS khoanh ngay vào phiếu. - Bài 2 và Bài 3: HS làm cá nhân (khoảng 6–7 phút); GV đi quanh lớp quan sát và gợi ý HS gặp khó ở trọng âm / / – /t/.	- HS khoanh từ (Bài 1), gạch dưới âm tiết (Bài 2), đọc thầm và vẽ mũi tên (Bài 3) vào phiếu.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV chiếu đáp án Bài 1 và Bài 2; HS đổi phiếu với bạn bên cạnh để chấm chéo. - Bài 3: GV gọi 3 HS, mỗi em đọc to một câu trước lớp; cả lớp và GV phản hồi cụ thể.	- HS phát hiện lỗi của bản thân và sửa vào phiếu; 3 HS đại diện đọc câu đúng ngữ điệu trước lớp.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét chung: nêu lỗi phổ biến (nhầm / / thành /t/ hoặc /s/, nhầm /ð/ thành /d/) và nhắc lại mẹo phát âm. - GV khen ngợi HS làm đúng; động viên HS còn lỗi tiếp tục luyện tập.	Đáp án tham khảo: Bài 1: (1) thin, (2) three, (3) thank, (4) then, (5) they. Bài 2: HAP py, be GIN , ENG lish, ar RIVE , TEACH er, re PEAT . Bài 3: (1) ↘ (2) ↘ (3) ↘ (cả ba câu kết thúc ngữ điệu xuống theo tiếng Anh phổ thông).

Hoạt động 4: Vận dụng (10 phút)

a) Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kiến thức về âm / / và /ð/, trọng âm từ và ngữ điệu câu vào hội thoại thực tế trong tình huống tự giới thiệu với bạn mới.
- Tự tin nói tiếng Anh trước bạn bè; biết lắng nghe và nhận xét phát âm của nhau một cách tích cực.

b) Nội dung: Học sinh thực hành hội thoại theo cặp (pair work) dựa trên tình huống:

Situation: You meet a new classmate on the first day of school. Introduce yourselves; ask and answer about name, age, and favourite subject.

Mẫu câu gợi ý (âm tiết nhấn in đậm, ký hiệu ngữ điệu ghi kèm cuối câu):

- "What is your **NAME**?" (↘) – "My **NAME** is **LAN**."
- "How **OLD** are you?" (↘) – "I am **TWELVE**."
- "Do you like **MATH**?" (↘) – "Yes, I **DO**. / No, I **DON'T**."
- "What is your fa**VOU**rite **SUB**ject?" (↘) – "My fa**VOU**rite subject is **ENG**lish."
- "Is **MATH** your fa**VOU**rite **SUB**ject?" (↘) – "No, I like **ENG**lish **BET**ter."

c) **Sản phẩm:** Mỗi cặp thực hiện được ít nhất 4 lượt hỏi đáp với phát âm tương đối chuẩn; 2 cặp đại diện trình bày trước lớp với trọng âm và ngữ điệu rõ ràng.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu tình huống và mẫu câu gợi ý lên bảng. - GV làm mẫu một lượt hội thoại ngắn (4 lượt hỏi đáp) cùng một HS tình nguyện, nhấn mạnh rõ trọng âm và ký hiệu ngữ điệu. - GV yêu cầu: mỗi cặp thực hành ít nhất 4 lượt rồi đổi vai.	- HS theo dõi mẫu GV, ghi nhớ vị trí âm tiết in đậm (trọng âm) và hướng mũi tên ngữ điệu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hành theo cặp trong khoảng 5 phút. - GV di chuyển quanh lớp, lắng nghe và ghi nhận lỗi phổ biến nhưng không ngắt giữa chừng – chờ đến phần nhận xét chung.	- HS hội thoại tự nhiên, cố áp dụng trọng âm và ngữ điệu đúng; tự điều chỉnh nếu nhận ra lỗi trong khi nói.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời 2 cặp lên trình bày trước lớp (mỗi cặp 3–4 lượt hỏi đáp). - Cả lớp quan sát và nhận xét theo gợi ý: <i>"Did they stress the right syllable? Did the voice go up or down at the end?"</i>	- HS nhận xét cặp bạn: nêu ít nhất một điểm tốt (âm đúng, trọng âm rõ, ngữ điệu chuẩn) và một điểm cần cải thiện.
Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét chung, sửa lỗi tiêu biểu (nếu có), khen ngợi sự tiến bộ của HS. - GV tổng kết nhanh: <i>"Today: Sounds (/ /, /ð/) – Word Stress – Intonation (↘). Well done!"</i> - Bài về nhà: tra 5 từ bất kỳ trên Cambridge Dictionary, ghi phiên âm IPA và đánh dấu trọng âm vào vở.	Tổng kết bài học: (1) / /: lưỡi giữa răng, không rung – <i>think, three, thank</i>. (2) /ð/: lưỡi giữa răng, có rung – <i>this, that, they</i>. (3) Trọng âm: danh từ/tính từ 2 âm tiết → âm tiết 1; động từ 2 âm tiết → âm tiết 2. (4) Ngữ điệu: câu trần thuật, Yes/No question ↘. Bài về nhà: tra 5 từ trên Cambridge Dictionary, ghi IPA và trọng âm.

....., ngàythángnăm

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phúc Hảo